

Đồng hồ đo lưu lượng loại điện tích có thể thay đổi cho bảng thiết bị cho lưu lượng nhỏ. Nước, Chất lỏng, Không khí, Khí ga (Các loại chất lỏng)

Loại mã : Sê-ri P5

P5 type / P5-S type / P5 (Đề ngang) type

PL - 5 type

RYUKI

Đây là một loại đồng hồ đo lưu lượng điện tích loại đơn giản được sản xuất để đo lưu lượng tương đối nhỏ như lắp đặt thiết bị, mang và lắp đặt đường ống.

Loại có tiếp điểm điện tử báo động có thể được sử dụng làm cảm biến lưu lượng.

Lưu ý khi sử dụng các sản phẩm

1. Cài đặt sản phẩm ở nơi ít rung động.
2. Không lắp sản phẩm ở một góc. (Độ nghiêng trong khoảng ± 2 độ)
3. Tránh chuyển động đột ngột của sản phẩm
4. Vui lòng ngăn không cho các chất lạ chảy vào sản phẩm.
5. Đảm bảo sản phẩm không bị căng bởi đường ống được kết nối.



東京流機工業株式会社

TOKYO RYUKI KOGYO CO.,LTD.

Loại P5 là loại cơ bản của dòng sản phẩm, vì SP này được thiết kế như một SP sản xuất hàng loạt nên SP này có thể được sản xuất trong thời gian ngắn hơn các SP khác tùy thuộc vào giá trị lưu lượng của loại tiêu chuẩn.

- | | |
|-------------------------------|--|
| Đo chất lỏng | Các loại chất lỏng /
không khí (khí ga) |
| Phạm vi thước | 10 : 1 |
| Lưu lượng hoạt động
tối đa | Đề đo nước(H ₂ O): 5~50L/min |
| | Đề đo không khí: 50~300NL/min |
| Vật liệu thân hình | SCS13 |
| Vật liệu ống kính | Kính cứng |
| Vật liệu cái phao | Đề đo nước : SUS304 |
| | Đề đo không khí : Alminum |
| Đường kính kết nối | Rc 1/2B |
| Độ chính xác dòng chảy | Trong khoảng $\pm 2\%$ FS |
| Khối lượng | Khoảng 0.5 kg |
| Áp suất hoạt động
tối đa | 0.7MPa |
| Nhiệt độ hoạt động
tối đa | 80°C |
| Kích thước bên ngoài | 150mm |

Hiện thị lưu lượng là một giá trị được chuyển đổi thành điều kiện tiêu chuẩn là 0 °C và áp suất khí quyển là 0,101MPa (A) bằng luồng không khí chảy 20 °C (đơn vị: NL / min).

Đề đo nước (L/min)	Đề đo không khí (NL/min)	Hàng tiêu chuẩn
Từ (0.3) ~ 3.0	Từ (3) ~ 30	5W 50A
đến (5) ~ 50	đến (50) ~ 300	10W 100A
Sản xuất phạm vi lưu lượng giữa các mức trên		20W 200A
Con số này là giá trị lưu lượng lớn nhất.		30W 300A

P5 - ① ② **type**

- W** : Đẻ đo nước
L : Đẻ đo chất lỏng
A : Đẻ đo không khí
G : Đẻ đo khí ga

Phải => Trái: R / Trái => Phải: L / Trên => Dưới: D

Loại mã : Sê-ri P5-S

Model P5-S là loại có tiếp điểm điện. Tín hiệu BẬT / TẮT có thể thu được ở giá trị lưu lượng đã đặt, vì vậy SP này cũng có thể được sử dụng như một công tắc dòng chảy. Giá trị lưu lượng đã đặt được thiết kế để có thể thay đổi.

Model: P5-S

(Loại tiêu chuẩn Dành cho Chất lỏng / Không khí với có tiếp điểm điện tử báo động)



Model: P5-S

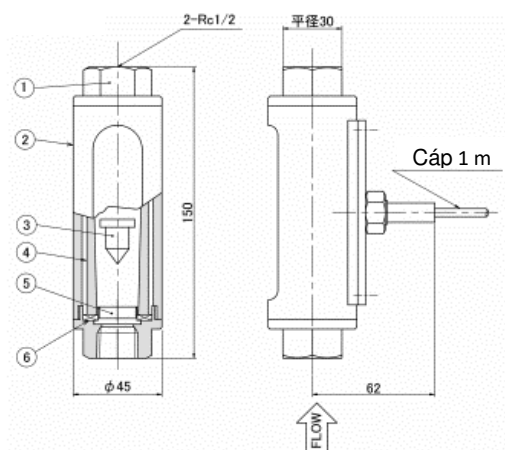
(Loại để ngang)

Hướng dòng chảy: hướng ngang hoặc từ trên xuống dưới

* Chỉ dành cho loại chất lỏng



Bản vẽ kích thước



- ① Nắp : SCS13 ② Vỏ hộp : AC2B ③ Phao : SUS304 or Al
④ Ống thủy tinh: Kính cứng ⑤ Nút chặn: SUS304 ⑥ Miếng đệm: NBR
* Trên đây là vật liệu loại tiêu chuẩn

Thông số kỹ thuật

Đo chất lỏng	Các loại chất lỏng / không khí (khí ga)
Phạm vi thước	10 : 1
Lưu lượng hoạt động tối đa	Đề đo nước(H ₂ O): 5~50L/min Đề đo không khí: 50~300NL/min
Vật liệu thân hình	SCS13
Vật liệu ống kính	Kính cứng
Vật liệu cái phao	Đề đo nước : SUS304 Đề đo không khí : Alminum
Đường kính kết nối	Rc 1/2B
Độ chính xác dòng chảy	Trong khoảng ± 2% FS
Khối lượng	Khoảng 0.6 kg
Áp suất hoạt động tối đa	0.7MPa
Nhiệt độ hoạt động tối đa	80°C
Kích thước bên ngoài	150mm

* Đề đo không khí

Hiện thị lưu lượng là một giá trị được chuyển đổi thành điều kiện tiêu chuẩn là 0 °C và áp suất khí quyển là 0,101MPa (A) bằng luồng không khí chảy 20 °C (đơn vị: NL / min).

Phạm vi lưu lượng sự hoạt động

Đề đo nước (L/min)	Đề đo không khí (NL/min)	Hàng tiêu chuẩn
(5) ~ 50	(50) ~ 300	5W 50A
Sản xuất phạm vi lưu lượng giữa các mức trên		10W 100A
Đối với phạm vi lưu lượng khác, vui lòng LH với chúng tôi.		20W 200A
Con số này là giá trị lưu lượng lớn nhất.		30W 300A

Mẫu mã số

P5 - ① ② - ③ - ④ type

- ① Lưu lượng hoạt động tối đa
② Đo chất lỏng
③ Chữ S với có tiếp điểm điện
④ N: Mũi tên đi xuống và bật / S: Mũi tên đi lên và bật lên.

W : Đề đo nước
L : Đề đo chất lỏng
A : Đề đo không khí
G : Đề đo khí ga

Ví dụ : P5-30W-S-S type

Đề đo (5) ~ 30 L/min nước với có tiếp điểm điện tử.

Giới thiệu về tiếp điểm điện tử báo động

>> Khai quát

Một tiếp điểm điện được gắn vào đồng hồ đo lưu lượng và có thể thu được tín hiệu BẬT / TẮT tại lưu lượng đã đặt. Một còi cảnh báo và đèn có thể hiển thị khi lưu lượng cao hơn hoặc thấp hơn tốc độ lưu lượng đã đặt. Có thể điều khiển tự động bằng cách kết nối với hoạt động của van điện từ. (Vui lòng lưu ý công suất tải)

>> Nguyên lý

Một nam châm được lắp vào phao, và khi phao này đi qua công tắc Lead switch được gắn ở bên cạnh do sự thay đổi lưu lượng, công tắc Lead switch sẽ hoạt động và phát ra tín hiệu.

>> Thông số kỹ thuật của công tắc Reed switch

- Dành cho chất lỏng: Có thể được cài đặt từ 0,5 đến 5 L/min ở 0,5 MPa (G) 20 °C
- Dành cho không khí: Có thể được cài đặt từ 5 đến 50 NL/min ở 0,101 MPa (A) 20 °C

* Số lần hoạt động điện: 20 lần / giây

* Tuổi thọ hoạt động: 1 triệu lần * Công suất tiếp xúc: AC100V · 0,1A

* Điện áp cài đặt: AC1500V / 1 phút * Điện áp chuyển đổi: MAX.DC200V

* Loại tự giữ

Đồng hồ đo lưu lượng loại điện tích có thể thay đổi cho bảng thiết bị cho lưu lượng nhỏ

Loại mã : Sê-ri PL-5

RYUKI

Sản phẩm này dành cho lưu lượng nhỏ. (Sản phẩm này không có tiếp điểm điện)

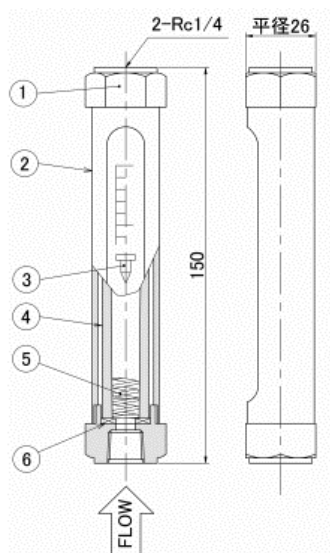
- Để đo nước : 2 L/min trở xuống.
- Để đo không khí : 20 NL/min trở xuống.

Loại mã : PL-5

(Dành cho Chất lỏng / Không khí)



Bản vẽ kích thước



- ① Nắp : SUS304
- ② Vỏ hộp : BS
- ③ Phao : SUS or Al
- ④ Ống thủy tinh : Kính cứng
- ⑤ Nút chặn : SUS304, v.v...
- ⑥ Miếng đệm : NBR

Thông số kỹ thuật

Đo chất lỏng	Các loại chất lỏng / không khí (khí ga)
Phạm vi thước	1 : 10
Lưu lượng hoạt động tối đa	Để đo nước (H ₂ O): 2 L/min Để đo không khí: 20 NL/min
Vật liệu thân hình	SUS304
Vật liệu ống kính	Kính cứng
Vật liệu cái phao	Để đo nước : SUS304 Để đo không khí : Alminum
Đường kính kết nối	Rc 1/4B
Độ chính xác dòng chảy	Trong khoảng $\pm 2\%$ FS
Hướng cài đặt	Trục đứng
Hướng dòng chảy	Từ dưới => trên
Áp suất hoạt động tối đa	0.7MPa
Nhiệt độ hoạt động tối đa	80°C
Kích thước bên ngoài	150mm
Khối lượng	Khoảng 0.27kg

Phạm vi lưu lượng sự hoạt động

Để đo nước (L/min)	Để đo không khí (NL/min)	Hàng tiêu chuẩn
Từ (0.01) ~ 0.1 đến (0.2) ~ 2.0	Từ (0.1) ~ 1.0 đến (2.0) ~ 20	0.5W 10A 1W 20A
Sản xuất phạm vi lưu lượng giữa các mức trên		

* Đối với phạm vi lưu lượng khác, vui lòng liên hệ với chúng tôi.

Mẫu mã số

PL5 - ① ② type

① Lưu lượng hoạt động tối đa

② Đo chất lỏng

W : Để đo nước
A : Để đo không khí

* Để đo không khí

Hiện thị lưu lượng là một giá trị được chuyển đổi thành điều kiện tiêu chuẩn là 0 °C và áp suất khí quyển là 0,101MPa (A) bằng luồng không khí chảy 20 °C (đơn vị: NL / min).

Ví dụ : PL5-1W type

Để đo 1 L/min nước.